TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 6 năm 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ và ông Lê Tuấn Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Như – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **N T C H**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số #, Khóm #, Phường #, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

* Bị đơn: Ông **N V T**, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số #, đường C, Khóm #, Phường #, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bạc Liêu (địa chỉ: Khóm Kinh Tế, Phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hường trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trung sống chung vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Bạc Liêu ngày 18/11/2014. Cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đến nay tình trạng mẫu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trung.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Trung có 02 con chung tên N T1 N, sinh ngày 26/6/2015 và N T2 N, sinh ngày 02/3/2019, hiện tại cháu Thảo Nhi và cháu Tâm Nhi đang sống chung với bà Hường. Khi ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông Trung cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Trung trình bày:***

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Hường; Về con chung: ông và bà Hường có 02 con chung tên N T1 N, sinh ngày 26/6/2015 và N T2 N, sinh ngày 02/3/2019, hiện hai cháu đang sống chung với bà Hường. Nay ly hôn ông đồng ý giao cả hai con cho bà Hường trực tiếp nuôi; về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu. Đồng thời, ông yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp Luật Tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Bà N T C H yêu cầu ly hôn, ông N V T đồng ý ly hôn nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Hường và ông Trung. Giao con chung N T1 N, sinh ngày 26/6/2015 và N T2 N, sinh ngày 02/3/2019 cho bà Hường trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N V T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Hường yêu cầu ly hôn với ông Trung, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bà Hường và ông Trung có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà Hường và ông Trung .

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hường và ông Trung tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà Hường xác định tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trung. Ông Trung cũng đồng ý ly hôn với bà Hường. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hường và ông Trung .

[3.2] Về con chung: Bà Hường và ông Trung có 02 con chung tên N T1 N, sinh ngày 26/6/2015 và N T2 N, sinh ngày 02/3/2019, hiện tại cháu Thảo Nhi và cháu Tâm Nhi đang sống chung với bà Hường. Bà Hường và ông Trung thống nhất giao cháu N T1 N, sinh ngày 26/6/2015 và N T2 N, sinh ngày 02/3/2019 cho bà Hường trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Thảo Nhi cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ.

Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của bà Hường và ông Trung phù hợp nguyện vọng của con chung nên ghi nhận sự thỏa thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung tên N T1 N, sinh ngày 26/6/2015 và N T2 N, sinh ngày 02/3/2019 cho bà Hường trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trung có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trung và bà Hường thống nhất không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Hường và ông Trung cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.5] Về nợ chung: Bà Hường và ông Trung thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự

[4] Trong vụ án này, mặc dù bà Hường và ông Trung đã thống nhất các nội dung trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án cả ông Trung và bà Hường đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án phải mở phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy đđịnh: *"... Trường hợp cả hai thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu một nửa án phí sơ thẩm".* Tại điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định: *"... Trường hợp thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu 50% mức án phí".* Bà Hường và ông Trung thuận tình ly hôn nên án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng. Bà Hường và ông Trung mỗi người phải chịu 75.000 đồng, bà Hường tự nguyện chịu thay cho ông Trung nên bà Hường phải nộp 150.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà N T C H và ông N V T.

2. Về con chung: Bà N T C H và ông N V T có 02 con chung tên N T1 N, sinh ngày 26/6/2015 và N T2 N, sinh ngày 02/3/2019 (hiện cháu T1 N và T2 N đang sống chung với bà Hường).

Giao con chung cháu N T1 N, sinh ngày 26/6/2015 và N T2 N, sinh ngày

02/3/2019 cho bà N T C H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N V T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 150.000đồng:

Bà N T C H tự chịu toàn bộ 150.000 đồng, bà Hường đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002518 ngày 26/4/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, sau khi đối trừ án phí, bà Hường được hoàn lại 150.000 đồng.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND Tp. Bạc Liêu;
-CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Nơi ĐKKH
- Đương sự;
- Lưu.

Thị Mỹ Hằng